

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang khuyến nghị các Nhà đầu tư nên đọc kỹ các thông tin trong bản Công bố Thông tin và Quy chế đấu giá trước khi đăng ký tham dự đấu giá

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG

Bản công bố thông tin này sẽ được cung cấp tại:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 0439412626 Fax: 0439347818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Điện thoại : 0273 822 586 Fax: 0273 821 712

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Trụ sở chính: Tầng 2&3, Số 444 Hoàng Hoa Thám, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : 04 3573 0200 Fax: (04) 3577 1966

MỤC LỤC

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa:	2
2. Ngành nghề kinh doanh:.....	2
3. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu.....	4
4. Tổng số lao động chuyển sang công ty cổ phần: 317 người, trong đó:.....	4
5. Giá trị thực tế của Doanh nghiệp.....	4
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp:	6
7. Chủ sở hữu công ty và danh sách các công ty con:.....	19
7.1/ Chủ sở hữu công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.....	19
7.2/ Danh sách công ty con: Không có.....	19
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	19
8.1/ Tình hình động sản xuất kinh doanh:	19
8.2/ Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa:.....	26
8.3/ Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	27
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành:	27
10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của công ty sau cổ phần hóa:	29
11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:	31
12. Rủi ro dự kiến (theo đánh giá của Tổ chức tư vấn và công ty).....	32
13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần:	34
14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa:	36
15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa:.....	37

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hóa:

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG**

Địa chỉ trụ sở chính : Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 17, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Điện thoại : 0273 822 586

2. Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5000126040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp lần đầu ngày 22/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 1/10/2013. Ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV	43210
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	46639
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

	Chi tiết: Xây dựng công trình đập, tràn	
7	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng, công nghiệp; công trình kênh, mương	4220
8	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	47529
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước Thiết kế xây dựng/nhà ở; thiết kế xây dựng/công trình công cộng; - Giám sát thi công xây dựng công trình: hạ tầng, dân dụng; - Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, khai thác nước ngầm.	7110
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công trình đô thị, công cộng	8129
11	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12	Thu gom rác thải độc hại	3812
13	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
14	Tái chế phế liệu	3830
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
16	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh trong đô thị	8130

17	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ tang lễ	96320
18	Quản lý, bảo trì đường bộ đô thị, hành lang an toàn đường bộ và các công trình tương tự khác theo đường bộ; Quản lý, vận hành hệ thống cấp, thoát nước, đèn chiếu sáng đô thị; Quản lý, khai thác chợ; Tư vấn quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống nành kinh tế Việt Nam</i>

3. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch;
- Xây dựng các công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng;
- Thu gom, xử lý rác thải không độc hại (rác thải sinh hoạt);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cây xanh đô thị;
- Quản lý, duy trì hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- Quản lý, bảo trì đường đô thị.

4. Tổng số lao động chuyển sang công ty cổ phần: 317 người, trong đó:

- Số lao động có trình độ đại học và trên đại học: 91 người
- Số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp: 79 người
- Số lao động đã được đào tạo qua các trường công nghệ kỹ thuật, dạy nghề: 120 người
- Số lao động chưa qua đào tạo: 27 người.

5. Giá trị thực tế của Doanh nghiệp

Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/03/2015 là 121.450.616.474 đồng, trong đó: Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 80.121.414.232 đồng.

	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
--	----------	-------------------------	----------------------	------------

	1	2	3	4 = 3 - 2
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)		93.639.078.448	121.450.616.479	27.811.538.031
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn		75.015.218.295	102.702.235.246	27.687.016.951
1. Tài sản cố định		67.031.686.604	94.603.102.433	27.571.415.829
a. TSCĐ hữu hình		67.031.686.604	94.603.102.433	27.571.415.829
b. TSCĐ vô hình		-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-	-
3. Chi phí XDCB dở dang		5.577.561.856	5.577.561.856	-
4. Phải thu dài hạn (gồm cả KC, KQ)		62.850.000		
5. Chi phí trả trước dài hạn		2.343.119.835	2.458.720.957	115.601.122
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn		18.623.860.153	18.748.381.233	124.521.080
1. Tiền		1.631.165.181	1.631.165.436	255
<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>		660.528.745	660.529.000	255
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>		967.622.309	967.622.309	-
<i>Tiền đang chuyển</i>		3.014.127	3.014.127	
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-	-
3. Các khoản phải thu		9.443.698.688	9.443.697.691	(997)
4. Vật tư hàng hoá tồn kho		6.519.082.506	6.519.082.506	-
5. TSLĐ khác		1.029.913.778	1.154.435.600	124.521.822
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp		-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất		-	-	-
B. Tài sản không cần dùng		2.187.083.473	2.187.083.473	-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn		506.126.751	506.126.751	-
1. Tài sản cố định		506.126.751	506.126.751	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn		1.680.956.722	1.680.956.722	-
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng, kém chất lượng		1.680.956.722	1.680.956.722	-

C.	Tài sản chờ thanh lý	58.731.680	58.731.680	
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	58.731.680	58.731.680	
1.	Tài sản cố định	58.731.680	58.731.680	
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D.	Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	156.805.277	156.805.277	-
E.	Tài sản chờ xử lý (tài sản hình thành từ dự án Nước sạch nông thôn)	49.726.476.096	49.726.476.096	
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	145.768.174.974	173.579.713.005	27.811.538.031
	<i>Trong đó:</i>			
	Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A)	93.639.078.448	121.450.616.479	27.811.538.031
E1.	Nợ thực tế phải trả	65.145.549.069	41.329.202.247	(23.816.346.822)
E2.	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	28.493.529.379	80.121.414.232	51.627.884.853

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm ngày 31/03/2015 – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 30.311.238.725 đồng

STT	Nhà cửa vật liệu kiến trúc	Giá trị còn lại		
		Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Sản xuất nước	12.669.186.640	23.566.284.646	10.897.098.006

2	Xây dựng cơ bản	1.134.208.653	1.312.034.378	177.825.725
3	Bộ phận quản lý	1.949.542.831	2.568.166.200	618.623.369
4	Kiểm định đồng hồ	-	-	-
5	Nước sạch nông thôn	-	-	-
6	Tài sản đô thị Na Hang	2.676.197.446	2.762.715.600	86.518.154
7	Tài sản Đô thị Chiêm Hóa	91.715.956	102.037.901	10.321.945
	Tổng	18.520.851.526	30.311.238.725	11.790.387.199

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/03/2015- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

- Máy móc thiết bị: 13.371.497.742 đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên máy móc thiết bị	Giá trị còn lại		
		Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Sản xuất nước	11.144.098.314	12.758.659.000	1.614.560.686
2	Xây dựng cơ bản	503.933.873	557.269.409	53.335.536
3	Bộ phận quản lý	-	-	-
4	Kiểm định đồng hồ	24.769.474	32.133.333	7.363.859
5	Nước sạch nông thôn	-	-	-
6	Tài sản đô thị Na Hang	18.414.000	23.436.000	5.022.000
7	Tài sản Đô thị Chiêm Hóa	-	-	-
	Tổng	11.691.215.661	13.371.497.742	1.680.282.081

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/03/2015- Công ty TNHH MTV
Cấp thoát nước Tuyên Quang)

- Phương tiện vận tải truyền dẫn: 50.853.810.966 đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên phương tiện vận tải	Giá trị còn lại		
		Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
1	Sản xuất nước	36.028.283.933	49.051.118.540	13.022.834.607
2	Xây dựng cơ bản	0	638.766.518	638.766.518
3	Bộ phận quản lý	643.172.538	853.593.181	210.420.643
4	Kiểm định đồng hồ	-	-	0
5	Nước sạch nông thôn	-	-	0
6	Tài sản đô thị Na Hang	68.303.571	114.332.727	46.029.156
7	Tài sản Đô thị Chiêm Hóa	15.312.500	196.000.000	180.687.500
	Tổng	36.755.072.542	50.853.810.966	14.098.738.424

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/03/2015- Công ty TNHH MTV
Cấp thoát nước Tuyên Quang)

- Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng: 57.042,47 m². (Theo Tờ trình số 78/TTr-TNMT của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang).

Tiếp tục quản lý, sử dụng 46 khu đất theo hiện trạng Công ty đang quản lý sử dụng đất với tổng diện tích 57.042,47 m², cụ thể:

Mục đích sử dụng đất: Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

Hình thức sử dụng đất: Thuê đất, trong đó:

+ Sử dụng đất theo thời hạn đã được thuê đất đối với 06 khu đất (khu 1, 2, 3, 4, 14, 27), diện tích là 14.355,70 m².

+ Chuyển từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sang thuê đất đối với 14 khu đất (khu 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 19), diện tích 35.750,10 m².

+ Lập hồ sơ xin thuê đất đối với diện tích 6.936,67 m² tại 26 khu đất (khu 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46) theo hiện trạng công ty đang quản lý, sử dụng.

(Toàn bộ diện tích đất công ty đang sử dụng không tính vào giá trị doanh nghiệp

Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

(Toàn bộ diện tích đất Công ty đang sử dụng không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa)

TT	Địa điểm sử dụng đất	Hiện trạng quản lý, sử dụng đất				Mục đích sử dụng trước cổ phần hóa	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Ghi chú
		Hồ sơ pháp lý	Tổng diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Hình thức quản lý, sử dụng đất			
	TỔNG CỘNG		57.042,47					
1	Tổ 17, phường Hưng Thành, TP Tuyên Quang, tỉnh TQ	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số AE 836017, ngày 08/8/2006	7.405,00	Thời hạn thuê đất đến ngày 15/10/2043	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trụ sở văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang	Thuê đất trả tiền hàng năm	
2	Tại tổ 17, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số BM 728920, ngày 20/8/2013	1.907,90	Thời hạn thuê đất đến ngày 08/10/2042	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trạm xử lý nước sinh hoạt, Văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang	Thuê đất trả tiền hàng năm	
3	Tổ A2, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh TQ.	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số BT 163471, ngày 12/9/2014	416,00	Thời hạn thuê đất đến ngày 15/10/2043	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang	Thuê đất trả tiền hàng năm	
4	Tổ Vĩnh Phúc, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận số BT 163286, ngày 15/2/2014	3.104,80	Thời hạn thuê đất đến ngày 28/12/2043	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Trạm xử lý nước sinh hoạt, Trạm bơm nước sinh hoạt và xây dựng các bể xử lý nước thải thị trấn Vĩnh Lộc	Thuê đất trả tiền hàng năm	
5	Xã An Tường, thành phố Tuyên	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 09/3/2004	19.866,50	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử	Xây dựng Giếng khoan N4, N5, N6, N7 và đường giao thông (Khu đất số 5)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin

	Quang				dụng đất		thuê đất	thuê đất theo quy định
6	Xã Trung Môn, huyện Yên Sơn	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 09/3/2004	835,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước tại xã Trung Môn, huyện Yên, Sơn (Giếng N9)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
7	phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 25/6/2004	4.047,80	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Xây dựng hệ thống đường quản lý giếng	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
8	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 25/6/2004	1.167,80	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng NI0, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
9	Phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 25/6/2004	2.046,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng Nil-phường Nông Tiến, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
10	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang)	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 1331 /QĐ-UBND ngày 22 /8/2011	3.032,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng N3 Xóm Phú Hưng, Phường Hưng Thành thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
11	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh Tuyên Quang giao đất tại Quyết định số 272./QĐ-UBND ngày 07/5/1994	287,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng NI- Xóm Phú Hưng, phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

12	Phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh Tuyên Quang giao đất tại Quyết định số 328/UB-QĐ ngày 29/7/1991	472,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý Giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng N8-Phường Tân Hà, Thành phố Tuyên Quang)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
13	Phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang	Công ty quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 1972	3.047,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Đường quản lý Giếng và giếng khoan khai thác nước (Giếng N2, Xóm Phú Hưng, Phường Hưng Thành)	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
14	Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB 05/10/1998	370,00	Thời hạn thuê đất 20 năm	Nhà nước cho thuê đất	Văn phòng xí nghiệp cấp nước Sơn Dương thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
15	Tổ dân phố Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 05/10/1998	150,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trạm bơm giếng G3 (khu trạm Thú Y) thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
16	Tổ dân phố An Kỳ, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 05/10/1998	150,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trạm bơm giếng GI (khu nhà khách UBND huyện) thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính, xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
17	Tổ dân phố Kỳ Lâm, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 05/10/1998	150,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Trạm bơm Giếng G2 (Khu trường cấp 3 Sơn Dương) thuộc Công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
18	Tổ dân phố	Đất có nguồn gốc được UBND	99,00	Lâu dài	Nhà nước	Trạm bơm Giếng G4	Chuyển từ	Diện tích chính

	Cơ quan, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	trình giao đất tại Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 25/02/2000			giao đất không thu tiền sử dụng đất	thuộc Công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	hình thức giao đất sang cho thuê đất	xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
19	Tổ dân phố Kỳ An, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương	Đất có nguồn gốc được UBND tỉnh giao đất tại Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 25/02/2000	400,00	Lâu dài	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	Xây dựng bể chứa nước thuộc công trình cấp nước sạch tại thị trấn Sơn Dương	Chuyển từ hình thức giao đất sang cho thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
20	Thị trấn Tân Bình: Khu 6, thị trấn Tân Bình, huyện Yên Sơn.	Sử dụng đất từ tháng 5/2009 theo hợp đồng thỏa thuận số 2225/HĐTMB ngày 27/5/2009 giữa Công ty cổ phần chè Sông Lô và Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang.	241,00		đang quản lý, sử dụng	Trạm bơm cấp nước	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
21	Xã Thắng Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh TQ	Biên bản ngày 04/12/2012 về việc chuyển giao toàn bộ hệ thống cấp, thoát nước, bể chứa, giếng khoan và diện tích đất sử dụng của Công ty cổ phần xây dựng cầu đường và vận tải cho Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang.	1.534,36		đang quản lý, sử dụng	Trạm bơm cấp nước Km9	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
22	Thôn Cây Quân, xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn	Biên bản thỏa thuận, định vị tuyến và khu xử lý nước thị tứ Mỹ Bằng, xã Mỹ Bằng ngày 18/5/2010 giữa UBND xã Mỹ Bằng và Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Tuyên Quang.	400,00		đang quản lý, sử dụng	Trạm cấp nước	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
23	Tổ nhân dân Tân Cương, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	576,00		đang quản lý, sử dụng	Văn phòng làm việc của xí nghiệp cấp nước huyện Hàm Yên	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập, hồ sơ xin thuê đất theo

								quy định
24	Tổ nhân dân Tân Phú, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	71,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng bể áp 200 m3	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
25	Tổ nhân dân Tân Bình, thị trấn Tân Yên, Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	111,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng bể áp 300 m3	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
26	Tổ nhân dân Tân Bình, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Quản lý, sử dụng đất ổn định từ năm 2009 do nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	13,16		đang quản lý, sử dụng	Nhà trực Giếng Khoan GI	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
27	Xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang	Được UBND tỉnh cho Công ty thuê đất Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	1.152,00	Thời hạn thuê đất đến ngày 16/10/2065	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm cấp nước sản xuất, sinh hoạt khu công nghiệp Long Bình An	Thuê đất trả tiền hàng năm	
28	Xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang	Sử dụng đất từ năm 2013 theo hợp đồng thỏa thuận số 07b/HĐ-UBND ngày 01/6/2013 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang với UBND xã Tràng Đà	500,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng giếng khoan khai thác nước	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
29	Xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	Sử dụng đất từ năm 2011 theo Hợp đồng thỏa thuận 273A/HĐ-MĐ ngày 08/11/2011 giữa Công ty TNHH MTV- cấp thoát nước Tuyên Quang với UBND xã Tân Trào, huyện Sơn Dương	72,00		đang quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà trạm bơm và khu xử lý công trình: Giếng khoan- nhà Trạm bơm- Khu xử lý nước trung tâm xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
30	Xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo	32,00		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Tràng Đà	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác

	phố Tuyên Quang	Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn				(Nhà trạm quản lý vận hành khai thác công trình).		định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
31	Xóm 10, xã Lang Quán, huyện Yên Sơn	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	89,00		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt xóm 10 xã Lang Quán (Nhà trạm bơm, bể chứa, bể lọc).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
32	Khu trung tâm, xã Phú Lâm, huyện Yên Sơn	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	295,70		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt Khu trung tâm xã Phú Lâm (Nhà trạm, bể tạo áp).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
33	Xã Vân Sơn, xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.	200,00		đang quản lý, sử dụng	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Vân Sơn+ xã Hồng Lạc .	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ Sơ xin thuê đất theo quy định
34	Thôn Bến Đền, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	238,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Ben Đền, các cơ quan, trường học khu trung tâm xã Bạch Xa (Nhà trạm quản lý, bể chứa).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
35	Xã Bình Xa, huyện Hàm Yên	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý	220,00		đang quản lý, sử' dụng	Cấp nước sinh hoạt cho các cơ quan, trường học, trạm xã và Khu dân cư trung tâm xã Bình Xa (Nhà trạm quản lý, bể	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo

		các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn				chứa).		quy định
36	Xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	216,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt cho các cơ quan, trường học, trạm xã và Khu dân cư trung tâm xã Tân Thịnh .	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
37	Xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	60,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Trung Hòa.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
38	Xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	312,90		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm xã Thượng Lâm.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
39	Thôn Nà Va, Nà Lung, Xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn	61,30	...	đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Nà va, Nà Lung, xã Thượng Lâm (Trạm bơm, bể chứa).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
40	Thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6 Thống Nhất xã Yên Phú, huyện Hàm Yên	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn 1,2,3,4, 5, 6 Thống Nhất, xã Yên Phú, huyện Hàm	143,80		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt nông thôn (Nhà trạm quản lý vận hành khai thác, bể chứa nước, hệ thống công nghệ xử lý nước).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

		Yên.						
41	Xóm 3, xóm 5 và các cơ quan, trường học, dân cư khu trung tâm xã Tân Long, huyện Yên Sơn	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý 06 công trình cấp nước sinh hoạt sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang.	257,25		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt Xóm 3, xóm 5 và các cơ quan, trường học, dân cư khu trung tâm xã Tân Long, huyện Yên Sơn (Nhà trạm và các hạng mục phụ trợ, bể chứa nước sạch, giếng bơm tăng áp, giếng khoan và hầm bảo vệ giếng khoan).	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
42	Xã Yên Nguyên, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý 06 công trình cấp nước sinh hoạt sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang.	302,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt xã Yên Nguyên.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
43	Xã Thanh Tương, huyện Na Hang	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý 06 công trình cấp nước sinh hoạt sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa, Na Hang.	439,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh Tương	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
44	Thôn Nà Lừa và khu trung tâm xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa	Nhận bàn giao từ Trung tâm nước sạch và VSMT theo Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý công trình cấp nước sinh hoạt	205,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Nà Lừa và khu trung tâm xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

		thôn Nà Lừa và khu trung tâm xã Trung Hà, huyện Chiêm Hóa.						
45	Thôn Thanh Vân, Xuân Mai và thôn Khánh Hùng xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên.	Quyết định số 1328/QĐ-CT ngày 24/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình cấp nước sinh hoạt thôn Thanh Vân, Xuân Mai và Khánh Hùng xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; Biên bản bàn giao quản lý công trình ngày 24/11/2011 giữa UBND xã Hùng Đức huyện Hàm Yên với Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Tuyên Quang	129,20		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt thôn Thanh Vân, Xuân Mai và Khánh Hùng xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định
46	Xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình.	Được giao quản lý, sử dụng theo Văn bản số 721/UBND-TL ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh	217,00		đang quản lý, sử dụng	Cấp nước sinh hoạt xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.	Thuê đất	Diện tích chính xác được xác định cụ thể khi lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định

7. Chủ sở hữu công ty và danh sách các công ty con:

7.1/ Chủ sở hữu công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

7.2/ Danh sách công ty con: Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

8.1/ Tình hình động sản xuất kinh doanh:

a. Sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận của Công ty:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp sản phẩm nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu khác trên địa bàn toàn tỉnh:

- Địa bàn cung cấp nước: Tp Tuyên Quang, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang.
- Số lượng khách hàng đang ký hợp đồng sử dụng nước: 38.965 hộ
- Tỷ lệ thất thoát nước 6 tháng đầu năm 2016: 25 %

Bảng giá cung cấp nước sạch

Số TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Xí nghiệp cấp nước thành phố Tuyên Quang và Xí nghiệp cấp nước các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa	Xí nghiệp cấp nước huyện Na Hang
I	Nước tại khu đô thị			
1	Nước sinh hoạt	đ/m ³	6.040	5.800
2	Nước cơ quan hành chính; Đơn vị sự nghiệp	đ/m ³	8.100	8.100
3	Nước đơn vị sản xuất vật chất	đ/m ³	9.800	9.800
4	Nước đơn vị kinh doanh dịch vụ	đ/m ³	13.000	13.000
II	Nước khu vực nông thôn		Tại các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Lâm Bình	Tại huyện Yên Sơn

1	Nước sinh hoạt	đ/m ³	4.500	5.500
2	Nước cơ quan hành chính; Đơn vị sự nghiệp	đ/m ³	7.000	8.000
3	Nước đơn vị sản xuất vật chất	đ/m ³	8.000	9.600
4	Nước đơn vị kinh doanh dịch vụ	đ/m ³	10.000	13.000

(Nguồn: Quyết định số: 302/QĐ - CT ngày 14/4/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong 03 năm trước cổ phần hóa có quy mô tăng trưởng tốt cả về tổng tài sản và doanh thu. Tổng tài sản năm 2014 tăng gần 40% so với năm 2012 với tỷ lệ tăng bình quân ở mức 20%. Doanh thu của Công ty tăng hơn 10 tỷ so với năm 2012 nhưng có sự sụt giảm nhẹ vào năm 2014.

Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, lợi nhuận thực hiện của Công ty có bước tăng trưởng đều, trong đó, năm 2014 đạt 1,3 tỷ đồng, tăng 71% so với năm 2013. Hoạt động cung cấp sản phẩm nước sạch là hoạt động đem lại lợi nhuận chủ yếu cho Công ty, tiếp đến là hoạt động dịch vụ đô thị và các hoạt động khác.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tuyên Quang ghi nhận doanh thu thuần bình quân 03 năm đạt gần 52 tỷ đồng, trong đó nguồn thu từ cung cấp nước sạch và các sản phẩm liên quan hiện tại bình quân chiếm xấp xỉ 80% tổng doanh thu. Năm 2015, Công ty ghi nhận mức doanh thu từ cung cấp dịch vụ là hơn 53 tỷ đồng, cao hơn 3 tỷ đồng tính tới cùng kỳ năm 2014. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ đô thị được ghi nhận ở mức xấp xỉ 5 tỷ đồng, chiếm 10% tổng doanh thu cả năm.

Cơ cấu doanh thu của Công ty 2013-2015

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	Tỷ trọng/ DT (%)	NĂM 2014	Tỷ trọng/ DT (%)	NĂM 2015	Tỷ trọng/ DTT (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.324.722.426	99,35	50.204.535.401	98,98	53.109.638.902	99,66

	<i>Doanh thu sản xuất nước</i>	36.502.964.427	69,31	39.672.759.025	78,22	43.406.048.078	81,45
	<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	10.001.552.928	18,99	4.414.121.610	8,70	3.250.853.109	6,10
	<i>Doanh thu dịch vụ khác</i>	252.909.747	0,48	115.468.303	0,23	276.612.435	0,52
	<i>Doanh thu hoạt động dịch vụ đô thị</i>	5.567.295.324	10,57	5.994.265.011	11,82	6.173.885.281	11,58
	<i>Doanh thu nước sinh hoạt nội bộ</i>	-		7.921.452	0,02	2.239.999	0,00
2	Doanh thu hoạt động tài chính	135.531.392	0,26	29.959.900	0,06	28.462.200	0,05
	<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	135.531.392	0,26	29.959.900	0,06	28.462.200	0,05
3	Thu nhập khác	207.808.791	0,39	486.143.671	0,96	154.334.276	0,29
	Tổng Doanh thu	52.668.062.609	100	50.720.638.972	100	53.292.435.378	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014; BCTC tự lập năm 2015 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2013, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 5,8 tỷ đồng; năm 2015, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên khoảng 6,3 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2014.

Cơ cấu lợi nhuận của Công ty 2013 - 2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	Tỷ trọng/ DT	NĂM 2014	Tỷ trọng/ DT	NĂM 2015	Tỷ trọng/ DT
----	----------	----------	-----------------	----------	-----------------	----------	-----------------

			(%)		(%)		(%)
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.868.257.481	11,14	5.893.791.890	11,62	6.362.457.599	11,94
	<i>Lợi nhuận sản xuất nước</i>	<i>4.022.465.067</i>	<i>7,64</i>	<i>4.770.354.526</i>	<i>9,41</i>	<i>6.043.034.880</i>	<i>11,34</i>
	<i>Lợi nhuận hoạt động xây dựng</i>	<i>903.181.938</i>	<i>1,71</i>	<i>414.611.780</i>	<i>0,82</i>	<i>-483.055.889</i>	<i>-0,91</i>
	<i>Lợi nhuận dịch vụ khác</i>	<i>188.646.854</i>	<i>0,36</i>	<i>115.468.303</i>	<i>0,23</i>	<i>24.461.093</i>	<i>0,05</i>
	<i>Lợi nhuận hoạt động dịch vụ đô thị</i>	<i>753.963.622</i>	<i>1,43</i>	<i>585.435.829</i>	<i>1,15</i>	<i>775.777.516</i>	<i>1,46</i>
	<i>Lợi nhuận nước sinh hoạt nội bộ</i>	-	-	<i>7.921.452</i>	<i>0,02</i>	<i>2.239.999</i>	<i>0,00</i>
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	946.733.949	1,80	930.500.612	1,83	1.339.098.550	2,51
3	Lợi nhuận khác	(54.431.891)	-0,10	437.434.462	0,86	107.006.515	0,20

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014; BCTC tự lập năm 2015 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

b. Nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất:

Hiện nay, Công ty đang sử dụng ổn định các nguyên vật liệu, thiết bị sản xuất trong nước phục vụ hoạt động, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch gồm: nước thô, điện năng, Clo xử lý nước, vật liệu lọc (cát thạch anh), phèn xử lý nước, ống nước bằng thép các loại, đồng hồ đo nước lạnh, ống nhựa HDPE các loại,...

- Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:

Nhìn chung, do các nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá đơn giản và phổ biến nên Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp với mức giá hợp lý và nguồn cung ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Ảnh hưởng của nguyên vật liệu đầu vào tới doanh thu lợi nhuận:

Giá nguyên vật liệu đầu vào, các chi phí về lao động, vận hành có ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và lợi nhuận của công ty. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí là khá lớn chính vì vậy việc biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

c. Chi phí sản xuất của Công ty:

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2013	Tỷ trọng (%)	NĂM 2014	Tỷ trọng (%)	NĂM 2015	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	46.456.464.945	89,73	44.310.743.511	89,78	46.747.181.303	90,16
2	Chi phí tài chính	221.019.985	0,43	54.236.558	0,11	176.314.667	0,34
3	Chi phí bán hàng	-		-		-	
4	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	4.836.034.939	9,34	4.939.014.620	10,01	4.875.506.582	9,40
5	Chi phí khác	262.240.682	0,51	48.709.209	0,10	47.327.761	0,09
Tổng chi phí		51.775.760.551	100	49.352.703.898	100	51.846.330.313	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014; BCTC tự lập năm 2015 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

Chi phí là yếu tố cơ bản cấu thành nên giá thành sản phẩm. Sự phân bổ chi phí có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí về nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là chi phí về điện, hóa chất, nguyên nhiên liệu, vật tư ngành nước.

Giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của công ty. Cụ thể, năm 2015, chi phí giá vốn chiếm gần 90% và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm xấp xỉ 10% tổng chi phí. Việc kiểm soát tốt các yếu tố chi phí là nhân tố quan trọng tác động trực tiếp tới cơ cấu giá thành, doanh thu, lợi nhuận thu được. Do vậy, công ty luôn chú trọng tới việc quản lý tốt các yếu tố chi phí đầu vào nhằm tăng cường lợi nhuận và lợi thế cạnh tranh.

d. Trình độ công nghệ:

Công ty đang áp dụng Công nghệ xử lý nước ngầm bằng phương pháp lọc áp lực kín tự rửa và xử lý nước mặt bằng công nghệ bể lắng Lamén. Nhờ việc áp dụng công nghệ mới, các tấm Lamén đã giúp thu nhỏ bể lắng xuống nhiều lần, bình lọc áp lực với tốc độ lọc cao cũng được đưa vào sử dụng giúp thu nhỏ hệ lọc lại nhiều lần so với lọc hở.

e. Chất lượng dịch vụ, sản phẩm:

Để đảm bảo chất lượng các dịch vụ của mình, Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm y tế dự phòng tỉnh về việc để kiểm tra giám sát, xét nghiệm mẫu nước thô và nước thương phẩm để kiểm soát được chất lượng nước đầu ra. Kết quả kiểm tra các chỉ số của nước thương phẩm đều đạt theo quy chuẩn của Bộ Y tế ban hành về chất lượng nước ăn uống. Việc áp dụng tiêu chuẩn giúp chuẩn hóa các quy trình giải quyết công việc một cách khoa học; từng bước cải tiến phương pháp làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên giải quyết công việc thông suốt, kịp thời, hiệu quả; đơn giản hóa quy trình và rút ngắn thời gian giải quyết công việc của công ty.

f. Hoạt động Marketing

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang xây dựng uy tín dựa trên chất lượng dịch vụ Công ty cung cấp và kinh nghiệm trong nhiều năm qua. Công ty chưa sử dụng nhiều các công cụ như đăng báo, quảng cáo,... để quảng bá hình ảnh đến công chúng..

g. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Hiện nay Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại hay bản quyền, phát minh sáng chế.

h. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

TT	Đối tác	Hợp đồng	Ngày HĐ	Hiệu lực HĐ	Giá trị
I	Cung cấp dịch vụ cho khách hàng				8.174.449.650
1	Văn phòng HĐND & UBND huyện Na Hang	Sản phẩm dịch vụ công cộng	01/06/2015	01/01/2015 – 31/12/2015	2.902.340.000
2	BQL công tác dịch vụ đô thị trên địa bàn huyện Chiêm Hóa	Sản phẩm dịch vụ công cộng	20/04/2015	01/01/2015 – 31/12/2015	2.790.056.000
3	Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	13/05/2013	Không xác định thời hạn	1.140.641.709
4	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Nước sạch sinh hoạt	05/03/2015	Không xác định thời hạn	269.749.977
5	Trường Đại học Tân Trào	Nước sạch sinh hoạt	01/05/2013	Không xác định thời hạn	243.720.746
6	Trường dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	01/06/2013	Không xác định thời hạn	229.671.946
7	UBND tỉnh Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	06/05/2013	Không xác định thời hạn	203.410.879
8	Nhà khách Kim Bình	Nước sạch sinh hoạt	13/05/2013	Không xác định thời hạn	167.848.293
9	Trường chính trị tỉnh Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	04/05/2013	Không xác định thời hạn	116.728.934
10	Bệnh viện y dược cổ truyền Tuyên Quang	Nước sạch sinh hoạt	13/05/2013	Không xác định thời hạn	110.281.166
II	Mua nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất				6.672.581.606
1	Tổng công ty Điện lực miền Bắc	Điện cho sản xuất	01/01/2012	01/01/2012- 31/12/2017	3.490.433.324
2	Tổng công ty Điện lực miền	Điện cho sản xuất	21/02/2014	21/02/2014 – 21/02/2019	554.057.567

	Bắc				
3	Công ty TNHH Thương mại Quảng lâm	Đồng hồ đo nước			1.201.200.000
4	Công ty TNHH Thương mại XNK Minh Hải	Ông và phụ kiện nhựa			1.426.890.715

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

8.2/ Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	113.324.024.592	150.114.079.854	176.956.917.558
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	40.035.774.794	80.113.393.601	98.745.563.682
3	Nợ ngắn hạn	Đồng	15.152.572.535	11.922.448.168	9.998.091.584
4	Nợ dài hạn	Đồng	58.135.677.263	58.078.238.085	68.213.262.292
5	Tổng số lao động	Ng	303	316	319
6	Tổng quỹ lương	Đồng	22.970.486.894	25.406.485.211	25.747.770.898
7	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	6.317.516	6.700.022	6.726.168
8	Tổng doanh thu	Đồng	52.668.062.609	50.720.638.972	53.292.435.378
9	Tổng chi phí	Đồng	51.775.760.551	49.352.703.898	51.813.312.186
10	Lợi nhuận thực hiện	Đồng	892.302.058	1.367.935.074	1.479.123.192
11	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	661.518.505	848.781.081	1.153.716.090

12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn NN	%	1,65	1,06	1,17
----	-----------------------------------	---	------	------	------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014; BCTC tự lập năm 2015 Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

8.3/ Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

a. Thuận lợi:

Chính sách nhà nước

Công ty TNHH TMV Cấp thoát nước Tuyên Quang luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành, từ đó giúp Công ty có những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất

Tài sản con người

Bộ máy quản lý có trình độ và kinh nghiệm lâu năm, tạo dựng vững chắc thương hiệu uy tín trong ngành.

Ban lãnh đạo Công ty là một tập thể đoàn kết, thống nhất trong việc hoạch định, thống nhất về chủ trương, chiến lược phát triển, về phương thức hoạt động và xử lý các vấn đề cốt lõi của đơn vị.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng lực, giàu kinh nghiệm, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ủy và Ban lãnh đạo Công ty

b. Khó khăn:

Công tác định hướng chiến lược, kế hoạch, quản trị, công tác xúc tiến thương mại còn hạn chế.

Tỷ lệ thất thoát nước còn cao (6 tháng đầu năm 2016 là 25%). Giá nước thấp, chậm được điều chỉnh Việc xử lý tỷ lệ thất thoát là vấn đề lớn, đòi hỏi chi phí lớn cho hệ thống xử lý, đường ống cần nâng cấp cải tạo, nhân lực và trình độ chuyên môn, công nghệ để kiểm tra, giám sát nguyên nhân gây thất thoát.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành:

a. Vị thế Công ty trong ngành

So sánh với các công ty cấp nước tại địa bàn khác như Hải Phòng (HPW), Thủ Đức (TDW), WASECO (VSI), Chợ Lớn (CLW), Nhà Bè (NBW), Ninh Thuận (NNT), Long Khánh (LKW) và PHUWACO (PJS), Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang có quy mô trung bình về doanh thu và lợi nhuận. Tuy vậy với đặc thù ngành nước hiện đang ít cạnh tranh do tính độc quyền tự nhiên và phân bố vùng. Điều này không phải là nguy cơ quá lớn đối với Cấp nước Tuyên Quang. Tuy vậy, nếu công ty không hoạt động hiệu quả sau cổ phần hóa, khó có khả năng cạnh tranh với các công ty khác trong ngành.

b. Triển vọng phát triển của ngành:

Tốc độ tăng trưởng của ngành nước gắn liền với mức độ gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa. Tại Việt Nam, là một nước có dân số trẻ, và tốc độ gia tăng dân số thuộc loại cao trên thế giới, cùng với quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đang tạo cơ hội rất lớn cho ngành kinh doanh nước sạch.

Rủi ro về giá tại Việt Nam đối với các công ty nước sạch là rất thấp do chính sách về giá của Chính phủ có thể đảm bảo bù đắp chi phí sản xuất và duy trì mức lợi nhuận bình quân khoảng 5% cho các công ty nước. Thêm vào đó, giá nước hiện nay được nhận định là vẫn ở mức thấp. Khi đó, các công ty nước sẽ có biên lợi nhuận được cải thiện đáng kể.

Ngành nước có tính độc quyền cao theo phân bố vùng, nên việc cạnh tranh trong ngành là tương đối thấp. Tuy nhiên nguy cơ bị thâm sát nhập sẽ xảy ra nhiều trong tương lai, khi mà các công ty nước nhỏ, tiềm năng, nhưng thiếu nguồn lực sẽ bị các công ty lớn hơn mua lại để gia tăng thị phần và mở rộng mạng lưới.

Nền kinh tế càng phát triển, thì nhu cầu về nước sạch cũng tăng theo. Áp lực dân số đối với ngành nước là rất lớn. Do vậy, hiện nay các dự án hỗ trợ người dân khó khăn tiếp cận nguồn nước sạch sẽ mang lại nhiều cơ hội cho công ty.

c. Đánh giá về định hướng phát triển của Công ty so với định hướng ngành

Tiềm năng phát triển của ngành nước là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, định hướng phát triển cho công ty trong ngành không phải là dễ dàng. Khả năng cân đối thu - chi - đầu tư có tính quyết định then chốt đối với sự phát triển trong tương lai.

Nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là giảm tỷ lệ thất thoát bằng việc nâng cấp cải thiện hệ thống ống dẫn.

Bên cạnh nhiệm vụ giảm thất thoát, là việc mở rộng thêm thị phần cấp nước cho các khu công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của công ty sau cổ phần hóa:

a. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa:

Sau cổ phần hóa, công ty sẽ có kế hoạch về tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của các cán bộ công nhân viên trong công ty, nhằm đáp ứng với nền kinh tế thị trường cạnh tranh cao trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh các công ty cấp nước đang được cổ phần hóa ngày càng nhiều, thị trường chứa đựng nhiều nguy cơ cạnh tranh hơn trước đây. Đối với các vị trí còn thiếu nhân lực trình độ cao, phù hợp với nhu cầu của công ty cổ phần, công ty sẽ thực hiện tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ phù hợp để vừa thu hút gắn bó được nhân tài, vừa phù hợp với các quy định hiện hành.

Trong thời gian tới, công ty tập trung đầu tư chủ yếu vào các hạng mục bao gồm:

- Năm 2016: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu công nghiệp Long Bình An, xã Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang;

- Năm 2017: Xây dựng trạm xử lý nước mặt từ nguồn Sông Lô bổ sung nguồn nước cho thành phố Tuyên Quang và thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên.

- Năm 2018: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến ống sử dụng lâu ngày hay bị bục vỡ và mở rộng mạng lưới cấp nước ra các xã lân cận.

Công ty định hướng tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp là sản xuất nước máy tiêu thụ cho dân cư trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Với sản lượng sau cổ phần hóa dự kiến đạt mức tăng trưởng khoảng 2% mỗi năm, doanh thu dao động quanh ngưỡng 45 tỷ đồng. Để đạt được điều này, ngoài việc tăng sản lượng bằng các biện pháp kỹ thuật, công ty còn phải tập trung chủ yếu vào việc giảm tỷ lệ thất thoát hiện nay đang ở mức 24,5% xuống mức 23,2%. Tăng cường công tác kiểm tra trên tuyến bằng nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả, phù

hợp kịp thời phát hiện những sự cố, những bất cập và những hộ dùng nước trái phép, hộ dùng nước đồng hồ kẹt, hỏng, những điểm rò rỉ bục vỡ để từ đó kịp thời cải tạo nâng cấp, thay thế các tuyến ống sử dụng lâu ngày đã bị ăn mòn hay bục vỡ từ đó giảm tỷ lệ thất thoát nước. Giá bán nước cũng sẽ được điều chỉnh trên cơ sở khung giá quy định của Nhà nước.

Sau khi Công ty cổ phần cấp thoát nước Tuyên Quang đi vào hoạt động, để đảm bảo lợi nhuận của Công ty như dự kiến, Công ty sẽ có những phương án khoán hợp lý cho các Xí nghiệp trực thuộc để thúc đẩy sản xuất phát triển và tự chủ trong hoạt động sản kinh doanh hơn nữa.

Tích cực tìm kiếm thêm khách hàng mới có nhu cầu ký hợp đồng sử dụng nước sạch của công ty. Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước ra các vùng lân cận, tăng số lượng khách hàng sử dụng nước. Công ty tiếp tục ký hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích tại thị trấn Na Hang, huyện Na Hang và thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hóa tăng doanh thu cho công ty và tạo công ăn việc làm thu nhập ổn định cho cán bộ Công nhân viên.

Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý cụ thể như: ứng dụng các phần mềm về kế toán, lập dự toán công trình, phần mềm quản lý khách hàng, quản lý tài sản, quản lý áp lực nước trên mạng... Bằng việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như công tác quản lý, công ty sẽ cắt giảm được nhiều chi phí liên quan, giúp tăng hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực.

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm sau cổ phần hóa:

Hiện tại, giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang còn đang ở mức thấp, dự kiến việc điều chỉnh giá nước tại địa bàn tỉnh là phù hợp với tình hình giá cả chung, cũng như xu thế điều chỉnh giá nước trên toàn quốc. Song công ty tính toán rằng việc tăng giá này không ảnh hưởng nhiều đến khả năng chi trả hay chất lượng cuộc sống của người dân đang sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh. Giá nước ở mức thấp giúp người dân được hưởng lợi, nhưng lại khiến việc đầu tư nâng cấp, mở rộng và cải thiện chất lượng hệ thống cấp nước của công ty gặp nhiều khó khăn do biên lợi nhuận thấp. Dự kiến trong thời gian tới, giá nước sẽ được điều chỉnh theo xu thế tăng chung của cả nước ở mức độ hợp lý với khả năng chi trả của người dân. Điều

này sẽ góp phần cải thiện lợi nhuận của công ty đáng kể và hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu XDCB + dịch vụ đô thị +doanh thu khác	Triệu đồng	6.905,3	7.500	8.000
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	80.000	80.000	80.000
3	Lao động	Người	317	317	317
4	Tổng quỹ lương		2.264	2.264	2.264
5	Thu nhập bình quân	Đồng/ng/tháng	7.145.000	7.145.000	7.145.000
6	Tổng doanh thu	Triệu đồng	51.320,3	52.903	54.419
7	Tổng chi phí	Triệu đồng	49.780	50.786	52.242
8	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	1.539	2.116	2.176
9	Tỷ lệ cổ tức	%	5	5	5

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

- a. Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).
- b. Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	5.200.000	52.000.000.000	65
2	Cổ phần bán cho người lao động	961.200	9.612.000.000	12,02
2.1	Theo số năm làm việc khu vực nhà nước	318.200	3.182.000.000	3,98
2.2	Theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp	643.000	6.430.000.000	8,04
3	Cổ phần bán đấu giá công khai	1.838.800	18.388.000.000	22,99
	Tổng	8.000.000	80.000.000.000	100

(Nguồn: QĐ 1089/QĐ-UBND ngày 25/07/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang v/v phê duyệt phương án CPH Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

12. Rủi ro dự kiến (theo đánh giá của Tổ chức tư vấn và công ty)

a. Rủi ro về đặc thù:

Công ty nhận định cấp nước là ngành ít rủi ro về giá. Cơ chế tính giá nước của Chính phủ cũng đảm bảo cho các công ty cấp nước có thể có được tỷ lệ lợi nhuận an toàn. Biên độ tăng giá nước vẫn còn rất lớn, vì vậy có thể nói rủi ro về giá là không đáng kể.

Tình hình giá nước trên địa bàn tỉnh còn cao ảnh hưởng kế hoạch sản xuất cũng như doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất ngành nước đang phải đối mặt đó là rủi ro về ô nhiễm nguồn nước và thất thoát nước. Tỷ lệ thất thoát nước còn cao (6 tháng đầu năm 2016 là 25%). Đối với thất thoát nước, do hệ thống đường ống cấp nước nhiều tuyến đã đầu tư từ những năm 1970, 1980, khi đường giao thông còn nhỏ, dân cư thưa thớt, đường ống cấp nước được đặt trong vỉa hè và đường kính ống nhỏ nhưng đến nay đô thị hóa phát triển mạnh Nhà nước đã nhiều lần cải tạo nâng cấp mở rộng đường, do đó hầu hết đường ống cấp nước đều nằm trong lòng, lề đường gây khó khăn cho việc quản lý, cải tạo, sửa chữa thay thế và có chi phí lớn.

b. Rủi ro kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên, ngành nước mang tính đặc thù độc quyền trên địa bàn tỉnh, ít chịu sự cạnh tranh, Công ty dự báo rủi ro kinh tế có ảnh hưởng rất thấp tới hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro lãi suất

Năm 2016 lãi suất sẽ chịu sức ép từ nhiều yếu tố: Lạm phát tăng làm tăng kì vọng của người dân, qua đó gây áp lực làm tăng lãi suất huy động Cầu tín dụng của khu vực tư nhân tiếp tục tăng trong khi nhu cầu phát hành trái phiếu Chính phủ không giảm;

Công ty dự báo việc mở rộng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ việc kinh doanh sẽ gặp nhiều khó khăn như khó tiếp cận nguồn vốn, lượng vốn được giải ngân không

lớn do dư nợ xấu từ các ngân hàng nhiều, lãi suất có thể tăng cao bất chợt trong khi hoạt động mở rộng kinh doanh chưa thể hoàn vốn ngay sẽ là áp lực lãi vay lớn, ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty.

Rủi ro tỷ giá

Doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động về tỷ giá dẫn đến sự thay đổi trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Cụ thể, những diễn biến thất thường gần đây của nền kinh tế và chính trị thế giới khiến việc vay tín dụng bằng ngoại tệ chịu nhiều rủi ro trong thời điểm hiện tại. Chính vì vậy, ban lãnh đạo công ty dự kiến trong thời gian tới sẽ không có ý định vay bằng ngoại tệ để sử dụng nguồn vốn vào bất cứ hoạt động nào của công ty. Đồng Việt Nam vẫn sẽ là ưu tiên trước mắt.

Rủi ro tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng không đạt như kỳ vọng có thể khiến các nhà đầu tư nước ngoài giảm niềm tin vào sự tăng trưởng của nền kinh tế. Dòng vốn đầu tư sẽ chuyển dịch sang các quốc gia có nhiều tiềm năng hơn. Trong viễn cảnh ấy, việc cổ phần hóa sẽ mất đi nhiều lợi thế từ thị trường chứng khoán, nơi hiện đang là kênh huy động vốn đầu tư hàng đầu cho các doanh nghiệp hậu cổ phần hóa. Mặc dù công ty vẫn tin vào khả năng điều tiết nền kinh tế của Nhà nước có thể đạt được tăng trưởng như đề ra, tiếp tục là điểm đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế, song việc theo dõi sát sao và luôn có những biện pháp phòng trừ vẫn luôn là cần thiết đối với công ty.

Nếu các dự án triển khai của Công ty không có nguồn vốn tự có để đáp ứng đủ, Công ty sẽ huy động thêm nguồn từ thị trường chứng khoán. Hiện nay thị trường chứng khoán đã dần ấm lên, tuy nhiên vẫn còn nhiều rủi ro do kinh tế thế giới đang suy thoái, ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Việt Nam và tác động tới việc huy động vốn của Công ty.

c. Rủi ro luật pháp

Rủi ro pháp lý liên quan đến các thay đổi, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, hay Luật

thuế. Những thay đổi trong chính sách quản lý, điều hành từ các cơ quan chủ quản sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

Sau cổ phần hóa, Công ty trở thành Công ty đại chúng do vậy sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, do hệ thống luật pháp đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định cũng chưa cao nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, điều đó có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Doanh nghiệp.

d. Rủi ro của đợt chào bán:

Việc Công ty chào bán cổ phiếu trong giai đoạn thị trường chưa có nhiều diễn biến thuận lợi, nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn hồi phục, các chỉ số chứng khoán như VN-Index, HNX-Index đang ở mức thấp và nhiều biến động theo diễn biến của thị trường thế giới cũng như tâm lý nhà đầu tư... sẽ có những ảnh hưởng đáng kể tới đợt chào bán ra công chúng

Rủi ro của đợt chào bán có thể xảy ra khi số lượng cổ phiếu chào bán không được phân phối hết. Trong trường hợp này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng vốn và triển khai dự án của Công ty. Bên cạnh đó, đợt chào bán không được bảo lãnh phát hành bởi một tổ chức tài chính trung gian nên có thể rủi ro cổ phiếu phát hành không được mua hết là khá cao

e. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần:

a. Cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng:

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần bán đấu giá : 1.838.800 cổ phần (tương ứng 22,99% vốn công khai điều lệ)

Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm bán đấu giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Bước giá	: 100 đồng/cổ phần
Số mức giá đặt mua	: 02 mức giá
Đối tượng tham gia	: Các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng được các điều kiện quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Số lượng cổ phần tối thiểu mà nhà đầu tư được phép mua	100 cổ phần
Số lượng cổ phần tối đa nhà đầu tư được phép mua	1.838.800 cổ phần
Tỷ lệ đặt cọc	Bằng 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm
Phương thức đấu giá	: Bán đấu giá công khai
Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	: Tổ chức bán đấu giá công khai trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Thời gian và địa điểm đăng ký đấu giá	: Được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang.
Thời gian thanh toán	: Theo Quy chế bán đấu giá của Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang

b. Cổ phần bán ưu đãi đối với người lao động:

*** Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động:**

Tổng số lao động của công ty tại thời điểm công : 321 người

bổ giá trị doanh nghiệp:

Tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi : 318.200 cổ phần

Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi thực tế : 318.200 cổ phần

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Giá bán cổ phần ưu đãi : 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Thời gian dự kiến : Sau khi xác định giá bán thành công thấp nhất

*** Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần:**

Tổng số cổ phần đăng ký mua theo cam kết : 643.000 cổ phần
làm việc lâu dài:

Loại cổ phần : Cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết.

Giá bán cổ phần cam kết : Giá bán thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Thời gian dự kiến : Sau khi xác định giá đấu thành công thấp nhất

14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa:

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại	80.121.414.232

2	Vốn điều lệ công ty cổ phần (làm tròn)	80.000.000.000
3	Hoàn trả ngân sách sau khi làm tròn vốn nhà nước	121.414.232
4	Vốn nhà nước tiếp tục nắm giữ tại công ty cổ phần	52.000.000.000
5	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	26.727.200.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV	1.909.200.000
	- Từ bán cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty	6.430.000.000
	- Từ bán đấu giá công khai	18.388.000.000
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	500.000.000
7	Chi phí trợ cấp lao động dôi dư	303.307.045
8	Tổng số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp cổ phần hóa doanh nghiệp: (8) = (3 + 5) - (6 + 7)	26.045.307.187

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang)

15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa:

* Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang:

- | | | | |
|----|---------------------|------------------------------------|----------------------------|
| 1. | Ông Trần Ngọc Thực | Phó chủ tịch UBND tỉnh | Trưởng ban |
| 2. | Bà Lê Thị Kim Dung | Giám đốc Sở Tài chính | Phó Trưởng ban thường trực |
| 3. | Ông Triệu Quang Huy | Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư | Phó ban |
| 4. | Ông Lê Háu | Phó Giám đốc Sở Lao động TB và XH | Thành viên |
| 5. | Ông Nguyễn Thanh | Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh | Thành viên |
| 6. | Ông Nguyễn Văn Việt | Lãnh đạo Sở Nội vụ | Thành viên |

Bản công bố thông tin này đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua và phù hợp với tình hình thực tế mà chúng tôi được biết để nhà đầu tư có thể đánh giá về

tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

*** Tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang:**

1. Bà Nông Thị Song Vân Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Tổ trưởng
2. Ông Phạm Quang Sâm Chủ tịch công đoàn, Phó giám đốc Công ty Tổ viên
3. Ông Nguyễn Đức Hạnh Phó giám đốc Công ty Tổ viên
4. Ông Hà Dương Mạnh Kế toán trưởng Công ty Tổ viên
5. Ông Phùng Quốc Linh Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Tổ viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần

*** Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái bình dương:**

1. Ông Nguyễn Đỗ Lăng Tổng giám đốc
2. Ông Nguyễn Đức Quân Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ

sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Tuyên Quang cung cấp.

Tuyên Quang, ngày 6 tháng 9 năm 2016

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÓ PHẦN HOÁ
TỔ TRƯỞNG TỒ GIÚP VIỆC**



CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC C.TY

Nông Thị Song Vân

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO ĐM & PTDN
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Lê Thị Kim Dung

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đỗ Lăng